

THÔNG TƯ

**Quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ
khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước**

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đánh giá, Thẩm định và Giám định Công nghệ, Cục trưởng Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định:

1. Việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại Khoản 2 Điều 37 Luật khoa học và công nghệ.

2. Việc thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người trước khi ứng dụng vào sản xuất và đời sống theo quy định tại Khoản 3 Điều 37 Luật khoa học và công nghệ và Điều 37 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân sau đây:

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị đánh giá, xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Tổ chức, cá nhân ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người.

3. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ thực hiện đánh giá, thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.

4. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, việc đánh giá, thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ là những vấn đề khoa học và công nghệ cần được giải quyết để đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển khoa học và công nghệ.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là kết quả thực hiện nhiệm vụ) là kết quả được hình thành từ việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, do tổ chức, cá nhân đầu tư kinh phí để thực hiện, không sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước.

3. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức đánh giá, cấp Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

4. Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức thẩm định để xem xét các tác động khi triển khai ứng dụng kết quả đó đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người trước khi cho phép tổ chức, cá nhân triển khai ứng dụng vào sản xuất và đời sống.

Điều 4. Nguyên tắc đánh giá, thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ quy định tại Thông tư này được thực hiện trên cơ sở đề nghị của tổ chức, cá nhân.

2. Việc thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ được thực hiện vì mục đích quản lý nhà nước nhằm hạn chế các tác động ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người khi ứng dụng vào sản xuất và đời sống.

3. Việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ được thực hiện trên cơ sở hồ sơ đề nghị đánh giá; hồ sơ đề nghị thẩm định; căn cứ kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

4. Việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ phải bảo đảm tính khách quan, trung thực và chính xác.

Điều 5. Kinh phí đánh giá, thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Kinh phí đánh giá, thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ do tổ chức, cá nhân đề nghị bảo đảm và chi trả.

2. Nội dung chi liên quan đến quá trình đánh giá, thẩm định bao gồm:

a) Chi thù lao thuê chuyên gia tư vấn đánh giá, thẩm định, viết nhận xét về hồ sơ đề nghị đánh giá, thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ;

b) Chi phí họp hội đồng đánh giá, hội đồng thẩm định, tổ chuyên gia tư vấn;

c) Chi phí giám định, khảo nghiệm, kiểm nghiệm, thử nghiệm (sau đây viết tắt là đo kiểm), nếu có;

d) Chi phí văn phòng phẩm;

đ) Các khoản chi khác phát sinh trong quá trình đánh giá, thẩm định.

3. Mức chi áp dụng theo quy định tại các văn bản hiện hành của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

Chương II

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ KHÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 6. Nội dung đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Ý nghĩa của nhiệm vụ.

2. Cơ sở khoa học, nội dung và phương pháp thực hiện nhiệm vụ.

3. Giá trị khoa học của kết quả thực hiện nhiệm vụ.

4. Tác động và lợi ích mang lại đối với thực tiễn khi kết quả thực hiện nhiệm vụ được áp dụng.

5. Các nội dung khác phụ thuộc vào tính đặc thù của nhiệm vụ do Hội đồng quyết định.

Điều 7. Cơ quan quản lý nhà nước thực hiện đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết tắt là Sở Khoa học và Công nghệ) đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo đề nghị của tổ chức có trụ sở chính đặt trên địa bàn tỉnh, thành phố hoặc cá nhân cư trú trên địa bàn tỉnh, thành phố.

2. Đối với những kết quả thực hiện nhiệm vụ mà Sở Khoa học và Công nghệ không đủ các điều kiện cần thiết để tổ chức thực hiện việc đánh giá (chuyên gia chuyên ngành, các điều kiện kỹ thuật đánh giá sản phẩm) thì gửi hồ sơ đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ đánh giá.

Điều 8. Hồ sơ đề nghị đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Hồ sơ đề nghị đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ bao gồm:

1. Giấy đề nghị đánh giá, thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này.

2. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ theo mẫu quy định tại Phụ lục 3a hoặc Phụ lục 3b kèm theo Thông tư này và các tài liệu liên quan (bản vẽ, thiết kế, sơ đồ, ảnh chụp mẫu sản phẩm, báo cáo phân tích,...).

3. Các tài liệu khác (nếu có) liên quan đến kết quả thực hiện nhiệm vụ (giải thưởng về khoa học và công nghệ, hợp đồng thực hiện nhiệm vụ, quyết định giao nhiệm vụ,...).

Điều 9. Tiếp nhận và xử lý hồ sơ

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ lập 01 bộ hồ sơ và gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Thông tư này.

2. Xử lý hồ sơ:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện những nội dung sau:

a) Xem xét hồ sơ và xác định các điều kiện tổ chức thực hiện việc đánh giá. Đối với những trường hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Thông tư này, Sở Khoa học và Công nghệ gửi công văn (kèm theo hồ sơ) đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện đánh giá, đồng thời thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị biết về cơ quan thực hiện đánh giá;

b) Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 8 Thông tư này. Trường hợp hồ sơ chưa đủ các tài liệu theo quy định, phải thông báo để tổ chức, cá nhân bổ sung trong thời hạn 30 ngày làm việc.

3. Kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan thực hiện đánh giá đăng tải thông tin về việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trên trang thông tin điện tử của đơn vị trong thời hạn 10 ngày làm việc. Thông tin đăng tải bao gồm:

a) Thông tin chung về nhiệm vụ: tên nhiệm vụ; tổ chức, cá nhân đề nghị; lĩnh vực khoa học và công nghệ; dự kiến những tác động chính của kết quả nhiệm vụ;

b) Thời gian, địa điểm dự kiến tổ chức đánh giá.

4. Việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được thực hiện trong thời hạn 45 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Trường hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ cần được đo kiểm thì thời gian đo kiểm không được tính vào thời gian thực hiện đánh giá.

Điều 10. Hội đồng và tổ chuyên gia tư vấn đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Hội đồng và tổ chuyên gia tư vấn đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ do Thủ trưởng cơ quan thực hiện đánh giá quyết định thành lập trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Cơ quan thực hiện đánh giá cử thư ký hành chính để chuẩn bị tài liệu và các thủ tục cần thiết để tổ chức phiên họp Hội đồng.

2. Hội đồng tư vấn đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ (sau đây viết tắt là Hội đồng đánh giá):

a) Hội đồng đánh giá có trách nhiệm tư vấn đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ;

b) Hội đồng đánh giá có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm chủ tịch, phó chủ tịch, 02 ủy viên phản biện và các ủy viên khác. Trong đó ít nhất 2/3 thành viên là các chuyên gia khoa học và công nghệ có uy tín, có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực của kết quả thực hiện nhiệm vụ; các thành viên còn lại là đại diện các cơ quan quản lý nhà nước, đại diện các tổ chức có liên quan đến lĩnh vực đánh giá của kết quả thực hiện nhiệm vụ.

3. Tổ chuyên gia tư vấn đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ (sau đây viết tắt là Tổ chuyên gia đánh giá):

a) Tổ chuyên gia đánh giá được thành lập trong trường hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc Phụ lục 3b có sản phẩm cần đo kiểm;

b) Tổ chuyên gia đánh giá có 03 hoặc 05 thành viên, gồm Tổ trưởng và các tổ viên, được chọn từ các thành viên của Hội đồng đánh giá và các chuyên gia ngoài Hội đồng (nếu cần thiết);

c) Tổ chuyên gia đánh giá tiến hành kiểm tra, đánh giá độ tin cậy, nhận định tính xác thực của các sản phẩm. Tổ chuyên gia lập Báo cáo đánh giá và gửi tới cơ quan thực hiện đánh giá trước phiên họp Hội đồng ít nhất 05 ngày làm việc.

4. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thực hiện đánh giá, thành viên Hội đồng, tổ chuyên gia và những người có liên quan tới quá trình đánh giá, xác nhận có nghĩa vụ bảo mật những thông tin trong báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ để bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ.

Điều 11. Phương thức, nội dung và kết quả làm việc của Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Phương thức làm việc của Hội đồng đánh giá:

a) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc dân chủ. Các thành viên Hội đồng thảo luận công khai về nhiệm vụ được giao đánh giá, về ý kiến đánh giá của mình và không tiết lộ các thông tin làm việc của Hội đồng;

b) Tài liệu đánh giá và Báo cáo đánh giá của tổ chuyên gia (nếu có) phải được cơ quan thực hiện đánh giá gửi đến các thành viên Hội đồng trước phiên họp ít nhất 03 ngày làm việc;

c) Phiên họp Hội đồng được tổ chức trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định thành lập Hội đồng và chỉ được tiến hành khi bảo đảm có mặt ít nhất 3/4 thành viên Hội đồng tham dự, trong đó có chủ tịch hoặc phó chủ tịch được ủy quyền; 02 ủy viên phản biện (ý kiến bằng văn bản của thành viên vắng mặt chỉ có giá trị tham khảo).

2. Nội dung làm việc của Hội đồng:

a) Hội đồng xem xét, thảo luận, phân tích các nội dung trong Hồ sơ; xem xét sản phẩm của kết quả thực hiện nhiệm vụ; Báo cáo đánh giá của tổ chuyên gia đánh giá (nếu có);

b) Các thành viên hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo mẫu quy định tại Phụ lục 4a hoặc Phụ lục 4b Thông tư này; Hội đồng tiến hành bỏ phiếu đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ; Thư ký Hội đồng tổng hợp và báo cáo kết quả;

c) Thư ký Hội đồng dự thảo biên bản đánh giá của Hội đồng theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 Thông tư này. Hội đồng thảo luận để thống nhất từng nội dung kết luận và thông qua biên bản.

3. Kết quả họp Hội đồng:

a) Kết quả thực hiện nhiệm vụ được Hội đồng đánh giá đủ điều kiện cấp Giấy xác nhận khi có ít nhất 3/4 thành viên tham dự phiên họp đồng ý cấp Giấy xác nhận và điểm trung bình của Hội đồng như sau:

- Điểm trung bình của nhiệm vụ đạt trên 50 điểm;
- Điểm trung bình của sản phẩm đạt trên 25 điểm.

b) Kết quả thực hiện nhiệm vụ được Hội đồng đánh giá không đủ điều kiện cấp Giấy xác nhận khi không đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a Khoản 3 Điều này;

c) Đối với những kết quả thực hiện nhiệm vụ mà trong quá trình đánh giá Hội đồng xét thấy có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người thì báo cáo cơ quan thực hiện đánh giá và khuyến nghị tổ chức, cá nhân trước khi ứng dụng vào sản xuất và đời sống phải được thẩm định theo quy định tại Chương III Thông tư này.

4. Sau 03 ngày làm việc kể từ khi kết thúc phiên họp Hội đồng, biên bản đánh giá và các tài liệu kèm theo phải được gửi về cơ quan thực hiện đánh giá.

Điều 12. Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Trên cơ sở kết luận của Hội đồng đánh giá, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản đánh giá của Hội đồng, Thủ trưởng cơ quan thực hiện đánh giá xem xét, quyết định cấp Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ không sử dụng ngân sách nhà nước. Mẫu Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Phụ lục 6 Thông tư này. Trường hợp không cấp Giấy xác nhận, cơ quan thực hiện đánh giá phải thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

2. Trong trường hợp Thủ trưởng cơ quan thực hiện đánh giá không nhất trí với kết quả đánh giá của Hội đồng đánh giá, cơ quan thực hiện đánh giá thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị biết (trong đó nêu rõ lý do không đồng ý với kết luận của Hội đồng) và xem xét, thực hiện đánh giá lại kết quả thực hiện nhiệm vụ. Thời gian đánh giá lại và trả lời tổ chức, cá nhân đề nghị được thực hiện trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được Biên bản đánh giá của Hội đồng đánh giá.

3. Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ thể hiện sự công nhận của cơ quan quản lý nhà nước đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân; được khuyến khích sử dụng để thành lập và đăng ký chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

4. Tổ chức, cá nhân đề nghị đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cam kết tuân thủ các quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ và các quy định pháp luật khác có liên quan, chịu trách nhiệm về tính trung thực của hồ sơ đề nghị đánh giá.

5. Sau 03 ngày làm việc kể từ khi cấp Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ, cơ quan thực hiện đánh giá có trách nhiệm đăng tải thông tin về việc cấp Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ trên trang thông tin điện tử của đơn vị. Thông tin đăng tải bao gồm các thông tin trong Giấy xác nhận đánh giá.

6. Nếu phát hiện tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ; tổ chức cá nhân ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ có hành vi cung cấp thông tin không trung thực, giả mạo nội dung kê khai trong hồ sơ đề nghị đánh giá kết

quả thực hiện nhiệm vụ, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ có quyền hủy bỏ hiệu lực của Giấy xác nhận.

Điều 13. Đặc cách cấp Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc các trường hợp sau đây sẽ được cấp Giấy xác nhận mà không phải thực hiện thủ tục đánh giá:

a) Kết quả thực hiện nhiệm vụ đã đạt được các giải thưởng trong nước và quốc tế về khoa học và công nghệ do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Bộ Khoa học và Công nghệ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) chủ trì, phối hợp tổ chức xét tặng giải thưởng hoặc đồng ý cho tổ chức xét tặng giải thưởng (theo quy định tại Nghị định số 78/2014/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định về Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và các giải thưởng khác về khoa học và công nghệ);

b) Kết quả thực hiện nhiệm vụ đã được các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ đánh giá, thẩm định và cho phép áp dụng trên thực tế.

2. Đối với những trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân gửi Giấy đề nghị đánh giá, thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ theo Phụ lục 1 Thông tư này kèm theo bản sao của Bằng khen, Giấy khen, Văn bản cho phép áp dụng của cơ quan có thẩm quyền về Sở Khoa học và Công nghệ quy định tại Khoản 1 Điều 7 Thông tư này để được cấp Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ. Việc cấp Giấy xác nhận trong trường hợp này được thực hiện trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Khoa học và Công nghệ nhận được Giấy đề nghị và các tài liệu đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

Chương III

THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ KHÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 14. Kết quả thực hiện nhiệm vụ có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ khi ứng dụng tạo ra các sản phẩm sử dụng trong sản xuất, chế tạo, nâng cấp vũ khí, khí tài; sản xuất vũ khí hủy diệt, vũ khí hạt nhân, vũ khí sinh học, vũ khí hoá học, chất cháy, nổ; công cụ hỗ trợ, thiết bị nghiệp vụ.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ khi ứng dụng tạo ra phần mềm khai thác thông tin, dữ liệu mật quốc gia, sản phẩm dùng để theo dõi, giám sát thông tin bí mật của tổ chức, cá nhân.

3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ có liên quan đến lò phản ứng hạt nhân; nhiên liệu hạt nhân, vật liệu lò phản ứng hạt nhân, xử lý và quản lý chất thải phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng; công nghệ sản xuất, làm giàu uranium kỹ thuật.

4. Kết quả thực hiện nhiệm vụ ứng dụng chế tạo thiết bị lặn, thiết bị bay (có và không có người lái), thiết bị không gian vũ trụ.

5. Các kết quả thực hiện nhiệm vụ có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh khác mà pháp luật có quy định phải thẩm định trước khi ứng dụng vào sản xuất và đời sống.

Điều 15. Kết quả thực hiện nhiệm vụ có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến môi trường

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực khảo sát, tìm kiếm, thăm dò khai thác tài nguyên thiên nhiên.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ khi ứng dụng tạo ra chất thải nguy hại gây tác động đến hệ sinh thái, môi trường và con người.

3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ dùng để khai thác dữ liệu tài nguyên môi trường biển, đảo.

4. Kết quả thực hiện nhiệm vụ khi ứng dụng phải sử dụng đất vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên; khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học; rừng phòng hộ đầu nguồn; rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay.

5. Các kết quả thực hiện nhiệm vụ có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến môi trường khác mà pháp luật có quy định phải thẩm định trước khi ứng dụng vào sản xuất và đời sống.

Điều 16. Kết quả thực hiện nhiệm vụ có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe con người

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ liên quan đến khám, chẩn đoán và điều trị bệnh tật.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ liên quan đến sản xuất thuốc, vắc xin cho người.

3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ có liên quan đến biến đổi gen.

4. Kết quả thực hiện nhiệm vụ liên quan đến sản xuất thuốc bảo vệ thực vật.

5. Các kết quả thực hiện nhiệm vụ có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe con người khác mà pháp luật có quy định phải thẩm định trước khi ứng dụng vào sản xuất và đời sống.

Điều 17. Nội dung thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Mục đích ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ.
2. Cơ sở pháp lý, độ tin cậy của các thông tin, số liệu, tư liệu sử dụng để đề xuất, ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ.
3. Luận chứng về sự cần thiết ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ vào sản xuất và đời sống.
4. Phân tích điều kiện ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ (vị trí địa lý, đặc điểm địa hình, khí hậu thủy văn, kinh phí dự kiến khi triển khai ứng dụng, nguồn nhân lực thực hiện và các điều kiện khác); Đánh giá việc ứng dụng kết quả của giai đoạn trước đó (nếu có); Luận giải về lợi thế so sánh, khó khăn, hạn chế; Kinh nghiệm quốc tế (nếu có).
5. Sự phù hợp của việc ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ với điều kiện kinh tế - xã hội; dự báo tác động đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người khi triển khai kết quả thực hiện nhiệm vụ; dự báo các rủi ro khi ứng dụng và phương án khắc phục.
6. Một số nội dung khác nếu cần, tùy theo từng kết quả thực hiện nhiệm vụ cụ thể.

Điều 18. Cơ quan quản lý nhà nước thực hiện thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chủ trì tổ chức thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ do tổ chức, cá nhân ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ tại địa phương thuộc địa bàn quản lý mà kết quả nhiệm vụ khoa học công nghệ đó thuộc một trong 3 lĩnh vực quy định tại Điều 14, Điều 15 và Điều 16 Thông tư này.
2. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì tổ chức thẩm định đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ trong trường hợp:
 - a) Kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc hai lĩnh vực trở lên quy định tại các Điều 14, Điều 15 và Điều 16 Thông tư này;
 - b) Kết quả thực hiện nhiệm vụ mà Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận hồ sơ nhưng không đủ điều kiện thẩm định (chuyên gia chuyên ngành, các điều kiện kỹ thuật đánh giá sản phẩm). Trong trường hợp này, Sở Khoa học và Công nghệ gửi công văn (kèm theo hồ sơ) đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định đồng thời thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị biết về cơ quan có thẩm quyền thực hiện thẩm định.

Điều 19. Hồ sơ đề nghị thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ

Tổ chức, cá nhân trước khi ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc quy định tại Điều 14, Điều 15 và Điều 16 Thông tư này gửi 01 bộ Hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến cơ quan thực hiện thẩm định. Hồ sơ đề nghị thẩm định bao gồm:

1. Giấy đề nghị đánh giá, thẩm định của tổ chức, cá nhân ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 Thông tư này.

2. Văn bản cho phép ứng dụng của tổ chức, cá nhân chủ trì kết quả thực hiện nhiệm vụ theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 Thông tư này.

3. Tài liệu về kết quả thực hiện nhiệm vụ: Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt (nếu có); Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và các tài liệu kèm theo; Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu kết quả nghiên cứu và Biên bản đánh giá của Hội đồng nghiệm thu các cấp (nếu có).

4. Thuyết minh chi tiết việc ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ vào sản xuất, đời sống theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 Thông tư này.

5. Bản sao Dự án đầu tư ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có).

6. Bản sao quyết định thành lập, đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ (đối với tổ chức khoa học và công nghệ) hoặc đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh (đối với doanh nghiệp) của tổ chức đăng ký ứng dụng; Bản sao Chứng minh thư nhân dân đối với cá nhân đăng ký ứng dụng.

7. Bản chính tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ, sản xuất kinh doanh của tổ chức, cá nhân đăng ký ứng dụng.

8. Bản sao Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Chương II Thông tư này (nếu có).

9. Bản sao Giấy xác nhận thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ đã được cấp (nếu có).

10. Những tài liệu khác có liên quan đến kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cần thẩm định.

Điều 20. Tiếp nhận và xử lý hồ sơ

Quy trình tiếp nhận và xử lý Hồ sơ được thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 4 Điều 9 Thông tư này.

Điều 21. Hội đồng thẩm định và tổ chuyên gia tư vấn thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ

Hội đồng thẩm định và tổ chuyên gia tư vấn thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ do Thủ trưởng cơ quan thực hiện thẩm định thành lập. Thành phần

Hội đồng và tổ chuyên gia tư vấn thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư này. Thành phần Hội đồng thẩm định phải có đại diện của cơ quan quản lý chuyên ngành về lĩnh vực cần thẩm định.

Điều 22. Phương thức, nội dung và kết quả làm việc của Hội đồng thẩm định

1. Phương thức và nội dung làm việc của Hội đồng thẩm định được thực hiện như đối với Hội đồng đánh giá quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 11 Thông tư này. Ngoài các quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 11 Thông tư này, phiên họp Hội đồng thẩm định chỉ được tiến hành khi có đại diện cơ quan quản lý chuyên ngành về lĩnh vực cần thẩm định.

2. Nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng thẩm định là phân tích, xem xét kết quả thực hiện nhiệm vụ theo các nội dung quy định tại Điều 17 Thông tư này; Cho ý kiến về mức độ ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người.

3. Kết quả họp Hội đồng

a) Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được Hội đồng đề nghị được phép ứng dụng phải được ít nhất 3/4 tổng số thành viên tham gia họp Hội đồng đồng ý. Phiếu thẩm định của các thành viên Hội đồng theo mẫu quy định tại Phụ lục 8 Thông tư này;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi kết thúc họp Hội đồng, biên bản họp của Hội đồng được gửi về cơ quan thực hiện thẩm định theo mẫu quy định tại Phụ lục 9 Thông tư này.

Điều 23. Giấy xác nhận thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản thẩm định của Hội đồng thẩm định, Thủ trưởng cơ quan thực hiện thẩm định xem xét, quyết định cấp Giấy xác nhận thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ. Mẫu Giấy xác nhận thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Phụ lục 10 Thông tư này. Trường hợp không cấp Giấy xác nhận thẩm định, cơ quan thực hiện thẩm định phải thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

2. Trong trường hợp Thủ trưởng cơ quan thực hiện thẩm định không nhất trí với kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định, cơ quan thực hiện thẩm định thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị biết (trong đó nêu rõ lý do không đồng ý với kết luận của Hội đồng) và xem xét, thực hiện thẩm định lại kết quả thực hiện nhiệm vụ. Thời gian thẩm định lại và trả lời tổ chức, cá nhân đề nghị được thực hiện trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được biên bản thẩm định của Hội đồng thẩm định.

3. Giấy xác nhận thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Thông tư này không thay thế Giấy cấp phép sản xuất, lưu hành sản phẩm do các Bộ, ngành quản lý chuyên ngành quy định.

4. Đối với các kết quả thực hiện nhiệm vụ đã được các Bộ quản lý chuyên ngành đánh giá, nghiệm thu, cho phép sản xuất, lưu hành thì không cần thẩm định theo quy định của Thông tư này. Trước khi triển khai ứng dụng, tổ chức, cá nhân phải gửi văn bản thẩm định hoặc văn bản cấp phép đã được cấp về Bộ Khoa học và Công nghệ để theo dõi, quản lý thống nhất.

5. Tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ phải tuân thủ các quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ và các quy định pháp luật khác có liên quan, chịu trách nhiệm về tính trung thực của hồ sơ đề nghị thẩm định.

6. Nếu phát hiện tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ; tổ chức cá nhân ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ có hành vi cung cấp thông tin không trung thực, giả mạo nội dung kê khai trong hồ sơ đề nghị thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ có quyền hủy bỏ hiệu lực của Giấy xác nhận.

Điều 24. Cấp Giấy xác nhận đánh giá và thẩm định

1. Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu được đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người theo quy định tại Điều 14, Điều 15 và Điều 16 Thông tư này thì tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị cơ quan quản lý nhà nước thực hiện việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ.

2. Hồ sơ đề nghị đồng thời đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 8 và Điều 19 Thông tư này.

a) Hồ sơ do tổ chức, cá nhân ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ đề nghị, gửi tới cơ quan quản lý nhà nước theo quy định tại Điều 18 Thông tư này;

b) Trong trường hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ chưa có địa chỉ ứng dụng mà tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ có nhu cầu đánh giá, thẩm định thì hồ sơ đề nghị gửi tới cơ quan quản lý nhà nước theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Thông tư này.

3. Việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo trình tự quy định tại Chương III Thông tư này. Cơ quan quản lý nhà nước sẽ xem xét đánh giá và cấp Giấy xác nhận đánh giá và thẩm định theo mẫu quy định tại Phụ lục 11 Thông tư này nếu kết quả thực hiện nhiệm vụ đáp ứng các yêu cầu quy định tại Thông tư này.

4. Trong trường hợp Thủ trưởng cơ quan thực hiện thẩm định không nhất trí với kết quả đánh giá, thẩm định của Hội đồng thẩm định, cơ quan thực hiện thẩm định thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị biết (trong đó nêu rõ lý do không đồng ý với kết luận của Hội đồng) và xem xét, thực hiện đánh giá, thẩm định lại kết quả thực hiện nhiệm vụ. Thời gian đánh giá, thẩm định lại và trả lời tổ chức, cá nhân đề nghị được thực hiện trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được biên bản đánh giá, thẩm định của Hội đồng thẩm định.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Vận dụng Thông tư

Tổ chức, cá nhân tự tổ chức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ không sử dụng ngân sách nhà nước có thể áp dụng các quy định tại Chương II Thông tư này để thực hiện.

Điều 26. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện hoạt động đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ không sử dụng ngân sách nhà nước trong phạm vi thẩm quyền; định kỳ báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ kết quả của hoạt động đánh giá, thẩm định trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

3. Các Bộ, ngành, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện ứng dụng các kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người tại địa phương.

5. Bộ Khoa học và Công nghệ giao Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ hướng dẫn việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước; giao Vụ Đánh giá, Thẩm định và Giám định Công nghệ hướng dẫn việc thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người theo quy định tại Thông tư này.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 20 tháng 4 năm 2015.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vấn đề vướng mắc, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh cho Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo VPCP;
- Lưu: VT, Cục PTTĐN, Vụ ĐTG.



Phạm Công Tạc